

Hải Dương, ngày 28 tháng 5 năm 2023

Số: 2078 /BC-SLĐTBXH

## **BÁO CÁO**

### **Đề xuất chủ trương đầu tư**

#### **Dự án: Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

### **A. CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư liên quan đến chi phí quản lý đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về phương án kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 của tỉnh Hải Dương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương 05 năm 2021-2025 của tỉnh Hải Dương;*

*Căn cứ Công văn số 833/UBND-VP ngày 12 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thông báo dự kiến Kế hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025 và giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án sử dụng vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh 5 năm 2021-2025.*

*Căn cứ Công văn số 428/UBND-VP ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh cơ quan lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án, công trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh.*

*Căn cứ Quyết định 232/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nam Sách..*

*Căn cứ Chương trình số 20/CTr-TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Hải Dương về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025.*

*Căn cứ Báo cáo Kết quả thẩm định Báo cáo chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương số 1134/BC-HĐ ngày 06/5/2023 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do cấp tỉnh quản lý.*

*Thực hiện Thông báo số 63/TB-VP ngày 16 tháng 5 năm 2023 Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lưu Văn Bản tại buổi làm việc ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở UBND tỉnh.*

Sau khi tiếp thu và chỉnh sửa các nội dung theo báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do cấp tỉnh quản lý và ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lưu Văn Bản, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương với các nội dung chính sau:

## **B. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

### **I. Thông tin chung dự án:**

1. Tên dự án: Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương.
2. Dự án nhóm: Dự án nhóm B.
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương.
5. Địa điểm dự án: xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư: **379,322 tỷ đồng**  
(Ba trăm bảy mươi chín nghìn tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu đồng)
7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

## **C. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN**

### **I. SỰ CẦN THIẾT, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH CÓ LIÊN QUAN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**

#### **1. Sự cần thiết đầu tư**

- Hải Dương nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng, có 09 huyện, 01 thị xã, 02 thành phố có 235 xã, phường, thị trấn với dân số hơn 2,1 triệu người, diện tích hơn 1.670 km<sup>2</sup>. Có 11.037 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,69%, có 12.593 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 1,93%(theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2022).

- Hải Dương là một trong 05 tỉnh có chỉ số già hóa cao nhất toàn quốc, tính đến tháng 12/2022, toàn tỉnh có trên 300.000 người cao tuổi, chiếm khoảng 14 % tổng dân số toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 83.746 đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, trong đó có 37.457 hưởng chế độ về người cao tuổi, có 33.993 hưởng chế độ người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; ngoài ra, có 148 người cao tuổi đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương và Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội Hải Dương.

- Sau khi hợp nhất, tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội từ năm 2019 đến nay, gồm:

+ Năm 2019, tổng 644 đối tượng (gồm 400 trẻ học văn hóa, 103 học nghề, nuôi dưỡng người cao tuổi và người khuyết tật 141 đối tượng).

+ Năm 2020, tổng 625 đối tượng (gồm 403 trẻ học văn hóa, 80 học nghề, nuôi dưỡng người cao tuổi và người khuyết tật 142 đối tượng).

+ Năm 2021, tổng 520 đối tượng (gồm 353 trẻ học văn hóa, 31 học nghề, nuôi dưỡng người cao tuổi và người khuyết tật 136 đối tượng).

+ Năm 2022, tổng 520 đối tượng (gồm 330 trẻ học văn hóa, 17 học nghề, nuôi dưỡng người cao tuổi và người khuyết tật 131 đối tượng).

+ Tính đến tháng 4 năm 2023 trung tâm đã thực hiện, chăm sóc và nuôi dưỡng 497 đối tượng.

(Năm 2021, 2022, 2023 do ảnh hưởng của dịch Covid 19 các đối tượng thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng bị giảm so với năm 2019, hiện tại dịch bệnh đã hết các đối tượng cần chăm sóc nuôi dưỡng đang trở lại bình thường và có chiều hướng phát triển thêm).

- Trong những năm qua, được sự quan tâm cả về vật chất lẫn tinh thần của cấp ủy, chính quyền, các nhà hảo tâm, sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, nhân viên, các đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh được học văn hoá, học nghề, được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn. Tuy nhiên, hoạt động cung cấp các dịch vụ công tác xã hội như: trẻ em tự kỷ, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi...còn hạn chế. Trung tâm mới chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản về học văn hóa, học nghề, ăn, mặc, ở và sinh hoạt tinh thần, công tác triển khai cung cấp các dịch vụ phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp sớm, trị liệu, trợ giúp đối tượng yếu thế ngay tại gia đình, cộng đồng còn hạn chế; chưa đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đối tượng yếu thế được trợ giúp xã hội kịp thời tại Trung

tâm Bảo trợ xã hội, góp phần phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của đối tượng cần được trợ giúp và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của xã hội hiện đại, số trẻ tự kỷ ngày càng gia tăng; quá trình già hóa dân số, nhu cầu được chăm sóc của người cao tuổi ngày càng cao, có một bộ phận lớn người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em khuyết tật, trẻ tự kỷ,... mà bản thân họ và gia đình tuy có khả năng chi trả về tài chính nhưng người thân không có đủ thời gian và kỹ năng để chăm sóc thường xuyên và có nhu cầu về dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng chất lượng cao tập trung tại các cơ sở trợ giúp xã hội theo cơ chế tự nguyện có trả phí. Thực tế, trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở thực hiện các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật, người cao tuổi đáp ứng nhu cầu đời mới. Do vậy cần thiết xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội có thêm chức năng nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật chuyên nghiệp, chuyên biệt và song hành với hoạt động chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật tại cộng đồng và tại nhà đáp ứng được nhu cầu thực tế và sự phát triển của xã hội.

- Xác định rõ ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động trợ giúp xã hội và cơ sở trợ giúp xã hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20/4/2015 phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025 của cả nước để làm căn cứ cho các ngành, địa phương thực hiện; tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc hợp nhất Trung tâm Bảo trợ xã hội Hải Dương và Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương thành Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương nhằm bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của viên chức, người lao động để triển khai có hiệu quả công tác trợ giúp xã hội trong tình hình mới.

- Hiện tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (sau hợp nhất) đang làm việc ở 2 địa điểm cách xa nhau về vị trí địa lý, do vậy công tác điều hành, quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Mô hình cơ sở vật chất của hai cơ sở này về diện tích và quy mô không còn phù hợp với quy định về Trung tâm Bảo trợ xã hội của tỉnh; đặc biệt là cơ sở tại số 220 Nguyễn Trãi II, phường Sao Đỏ, TP Chí Linh có diện tích 22.688,3m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 2.104m<sup>2</sup> chủ yếu được xây dựng từ những năm 1974, 1975 nay đã xuống cấp dẫn đến nguy cơ mất an toàn, không đảm bảo tiêu chuẩn nuôi dưỡng chăm sóc đối tượng theo quy định.

- Ngày 19/8/2021 Tỉnh uỷ Hải Dương đã ban hành Chương trình số 20/CTr-TU về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025.

Từ những phân tích nêu trên việc đầu tư dự án Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương là hết sức cần thiết nhằm có điều kiện về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở trợ giúp xã hội có chăm sóc trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, trẻ tự kỷ, phòng ngừa can thiệp sớm, người

khuyết tật, người cao tuổi, ... góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao hiệu quả làm việc, đời sống vật chất tinh thần của viên chức, người lao động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương.

## **2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư**

2.1 Về chủ trương đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua phương án kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 số 20/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 và Thông báo số 344-TB/TU ngày 15/7/2021 của Thường trực Tỉnh ủy.

2.2 Địa điểm xây dựng: xã Nam Hồng và xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

### **2.3 Giải phóng mặt bằng:**

- Khu đất xây dựng hiện tại (xã Nam Hồng, An Sơn) gồm các loại đất đất trồng lúa, cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và một số loại đất khác (đất thủy lợi, đất nghĩa địa...). Thực tế khu đất chủ yếu là có nguồn gốc đất là đất trồng lúa nhưng thực tế người dân đang trồng cây hoa màu theo vụ trên khu đất.

- Hiện tại đất nghĩa địa có một số lăng mộ của một số dòng họ đã xây dựng tương đối tốt, việc di chuyển các lăng mộ này rất khó khăn (*liên quan đến tâm linh, tín ngưỡng của người dân*) có thể làm kéo dài dự án.

- Theo quy hoạch chung của xã Nam Hồng và xã An Sơn được phê duyệt diện tích đất dành cho khu đất xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương là 7,8 ha, trong đó xã Nam Hồng là 6,45 ha và xã An Sơn 1,35 ha (*theo quy hoạch chung của xã Nam Hồng và An Sơn được phê duyệt*).

- Để thực hiện dự án theo đúng kế hoạch được đề ra và không ảnh hưởng đến vấn đề tâm linh, tín ngưỡng của những hộ dân có mộ, lăng mộ đề xuất ranh giới xây dựng không lấy vào diện tích ô thửa có các các lăng mộ này và bố trí diện tích đất đi vào các khu mộ này (diện tích đất dự kiến khu mộ và đường vào khu mộ 2.500 m<sup>2</sup> theo bản đồ giải thửa của xã Nam Hồng) và chỉ giới đường đỏ cách tim đường trục Đông Tây huyện Nam Sách hiện trạng 35 m (lùi thêm 12,5 m so với chỉ giới đường đỏ dự kiến theo quy hoạch chung của xã Nam Hồng đã được phê duyệt) theo ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 910/SGTVT-P2 ngày 27/4/2023.

- Diện tích đất thu hồi giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng dự án là: **9,6 ha**, trong đó dự kiến:

+ Đất xây dựng Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh (nằm trong chỉ giới đường đỏ): **6,88 ha** (Bao gồm cả xã Nam Hồng và xã An Sơn).

+ Đất khó canh tác, đất mộ và đất đường vào khu mộ, hành lang giao thông 2,72 ha (đã tính thêm khoảng lùi 12,5m theo ý kiến của Sở Giao thông vận tải). Số liệu chính xác sẽ được xác định tại bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng và các bước tiếp theo của dự án.

2.4 Phù hợp với: Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của

Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội; Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 33/201/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội; Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20/4/2015 của Chính phủ về phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Chính phủ về Quyết định Phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Quyết định số 3593/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc hợp nhất Trung tâm Bảo trợ xã hội Hải Dương và Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương thành Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2.5 Phù hợp với Chương trình số 20/CTr-TU của Tỉnh uỷ về đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025.

### **3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan và kế hoạch đầu tư**

- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương phù hợp với kế hoạch phát triển mạng lưới an sinh xã hội của tỉnh, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 của tỉnh Hải Dương, Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20/4/2015 của Chính phủ về phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Kế hoạch số 2450/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 3224/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

- Dự án đã đăng ký vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của UBND huyện Nam Sách và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 của huyện Nam Sách với diện tích là 6 ha, tuy nhiên căn cứ theo quy hoạch chung của xã Nam Hồng và xã An Sơn được phê duyệt và thực tế hiện trạng khu đất dự kiến xây dựng đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 với diện tích là **9,6 ha** (đã đăng ký dự kiến là 6 ha).

## **II. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ**

### **1. Mục tiêu đầu tư**

Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội có điều kiện về cơ sở vật chất; chức

năng nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chuyên nghiệp, chuyên biệt và song hành với hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng và tại nhà. Tạo điều kiện để trẻ em khuyết tật không có khả năng học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập được học văn hóa theo chương trình giáo dục chuyên biệt, được học nghề phù hợp với nhu cầu và khả năng, được tư vấn giới thiệu việc làm, được cung cấp các dịch vụ công tác xã hội; phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp sớm, trị liệu, trợ giúp đối tượng yếu thế; đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đối tượng yếu thế; kịp thời nâng cao hiệu quả làm việc, đời sống vật chất tinh thần của viên chức, người lao động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương; góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội.

## 2. Quy mô đầu tư

### 2.1 Quy mô đầu tư:

- Diện tích đất nghiên cứu quy hoạch chi tiết xây dựng 7,8 ha theo quy hoạch chung được duyệt.

- Giai đoạn đến năm 2025 phạm vi dự án xây dựng cho 750 đối tượng gồm 400 trẻ em học văn hóa, 150 người khuyết tật học nghề, 180 cho người cao tuổi và người khuyết tật, 20 trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng.

- Lập quy hoạch định hướng đến năm 2030 cho 1.000 đối tượng, gồm 400 trẻ em học văn hóa, 150 người khuyết tật học nghề, 280 cho người cao tuổi và người khuyết tật, 20 trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng, 150 trẻ em dưới 6 tuổi tự kỷ.

- Dự trữ quỹ đất phát triển đến năm 2050 theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

### 2.2 Quy mô đầu tư xây dựng cho 750 đối tượng

STT	Nội dung	Quy mô
<b>I</b>	<b>PHÂN KHU NHÀ HÀNH CHÍNH, HỘI TRƯỜNG - CÔNG TÁC XÃ HỘI; Y TẾ - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>	
1	Nhà làm việc của các chức danh và công tác xã hội	Quy mô dự kiến 3 tầng, tổng diện tích sàn dự kiến 2.100 m <sup>2</sup>
2	Hội trường (bao gồm cả kho lưu trữ hồ sơ)	Quy mô dự kiến 01 tầng, tổng diện tích xây dựng dự kiến 1.168 m <sup>2</sup>
3	Y tế - Phục hồi chức năng	Tổng diện tích sàn dự kiến 2.100 m <sup>2</sup>
<b>II</b>	<b>PHÂN KHU TRẺ EM HỌC VĂN HÓA, HỌC NGHỀ; TRUNG BÀY SẢN PHẨM; TRẺ EM NUÔI DƯỠNG LÂU DÀI</b>	
1	Khu học văn hóa	Quy mô 400 đối tượng, quy mô dự kiến 3 tầng, tổng diện tích sàn dự kiến 5.615 m <sup>2</sup>
2	Sân trường và khu thể dục thể thao	Diện tích xây dựng dự kiến khoảng 740 m <sup>2</sup>
3	Nhà đa năng	Quy mô dự kiến 01 tầng; diện tích xây dựng dự kiến 450 m <sup>2</sup> .
4	Khu nhà xưởng (vừa làm,	Quy mô cho 150 đối tượng, quy mô 01

	vừa học, gắn với sản xuất)	tầng, tổng diện tích dự kiến 2.160 m <sup>2</sup>
5	Khu chăm sóc, nuôi dưỡng (bao gồm cả khu phơi, giặt là; trực của cán bộ và kho)	Quy mô dự kiến cho 495 đối tượng (bao gồm 400 trẻ em học văn hóa, 75 người khuyết tật học nghề, 20 trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng) quy mô dự kiến số tầng từ 3 đến 5, tổng diện tích sàn dự kiến 6.366 m <sup>2</sup>
6	Khu hoạt động thể chất cho học sinh (sân bóng chuyền, cầu lông, bóng đá mi ni...)	Tổng diện tích dự kiến 3.000 m <sup>2</sup>
<b>III</b>	<b>PHÂN KHU NGƯỜI CAO TUỔI, NKT NUÔI DƯỠNG LÂU DÀI: (hiện tại 130 người cao tuổi, NKT; đề xuất 180 ĐT người cao tuổi, NKT).</b>	
1	Khu nhà nội trú, nhà ăn, phòng sinh hoạt cộng đồng, phơi và giặt là, nhà kho và nhà trực của cán bộ	Quy mô cho 180 đối tượng, quy mô dự kiến 2 tầng, tổng diện tích sàn dự kiến khoảng 3.579 m <sup>2</sup> .
4	Khu vui chơi, giải trí	Tổng diện tích dự kiến 2.000 m <sup>2</sup>
<b>IV</b>	<b>KHU VỰC KỸ THUẬT - PHỤ TRỢ</b>	
1	Nhà để xe cán bộ viên chức, người lao động	Diện tích xây dựng dự kiến 1305,6 m <sup>2</sup>
2	Nơi đỗ xe của khách	Tổng diện tích dự kiến cho tất cả các phân khu 2.000 m <sup>2</sup>
3	Khu bếp tập trung	Quy mô phục vụ khoảng 850 suất, tổng diện tích sàn dự kiến 825 m <sup>2</sup>
4	Khu kỹ thuật công trình (nhà kỹ thuật, nhà rác,...)	Tổng diện tích dự kiến 500 m <sup>2</sup>
<b>V</b>	<b>HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤT</b>	
I	Hạ tầng kỹ thuật khu đất	Quy mô trên diện tích đất dự kiến xây dựng 6,88 ha bao gồm: hệ thống thoát nước; hệ thống cấp nước; hệ thống điện; san nền; sân đường nội bộ (bao gồm cả đường đầu nối với đường trong khu vực); hệ thống xử lý nước thải; hệ thống PCCC; Trạm biến áp; kiến trúc cảnh quan (cây xanh, bể cảnh, hồ nước...); hoàn trả hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và các công việc liên quan khác
<b>VII</b>	<b>MUA SẴM BỔ SUNG TRANG THIẾT BỊ</b>	



Mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động, giảng dạy, chăm sóc, nuôi dưỡng...
--------------------------------------------------------------------------------------

*Ghi chú:*

- Quy mô xây dựng dự kiến nêu trên có bảng tính sơ bộ kèm theo.
- Các khối hạng mục công trình có thể được hợp khối lại với nhau và được nghiên cứu tại bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng.
- Tổng diện tích xây dựng, tổng diện tích sàn chính xác sẽ được nghiên cứu tại bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng và các bước tiếp theo của dự án.

### **3. Cơ sở xác định quy mô đầu tư**

- Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương được UBND tỉnh phê duyệt.

- Khối hành chính quản trị áp dụng Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để xác định.

- Khu học nghề, lao động sản xuất cho đối tượng vận dụng tiêu chuẩn thiết kế đối với trường nghề và quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 và Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

- Khu nhà học văn hóa cho các đối tượng: vận dụng tiêu chuẩn thiết kế của trường mầm non, tiểu học và quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 và Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

- Các khối chức năng chăm sóc nuôi dưỡng vận dụng tiêu chuẩn thiết kế ký túc xá và các quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Khu y tế: vận dụng tiêu chuẩn thiết kế theo Công văn số 1068/LĐTBXH-KHTC ngày 27/3/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin ý kiến Bộ Y tế về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế của Dự án Trung tâm Điều dưỡng PHCN tâm thần Việt Trì.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, văn bản pháp lý liên quan khác và trong quá trình xác định quy mô đầu tư đã lưu ý xem xét đến chức năng chuyên sâu của một Trung tâm bảo trợ xã hội cấp tỉnh là nuôi dưỡng, giảng dạy, đào tạo nghề, phục hồi chức năng... cho các đối tượng thuộc nhóm yếu thế của xã hội (thể chất, nhận biết, năng lực hành vi...không bình thường).

- Phương án thoát nước mặt và nước thải của dự án: Căn cứ theo quy hoạch chung của xã Nam Hồng, An Sơn được phê duyệt và hiện trạng khu đất xây dựng khi lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (hoặc lập tổng mặt bằng khu đất) sẽ tính toán đầy đủ đảm bảo hệ thống thoát nước nền mặt đường và hành lang đường trục Đông Tây huyện Nam sách, nước thải được thu gom về khu xử lý nước thải tập trung, xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả vào hệ thống thoát theo quy hoạch chung của xã Nam Hồng và An Sơn được phê duyệt.

- Đối với giải pháp thiết kế cải tạo, đấu nối, hoàn trả hoặc xóa bỏ hệ thống

thủy lợi, đáp ứng yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế cũng sẽ được nghiên cứu dựng khi lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (hoặc lập tổng mặt bằng khu đất).

- Đường từ trong khu đất xây dựng nối với đường trục Đông Tây huyện Nam Sách:

+ Đề xuất giai đoạn trước mắt tạm thời chưa thực hiện theo ý kiến của Sở Giao thông và vận tải tại Văn bản số 910/SGTVT-P2 ngày 27/4/2023, mà thực hiện đường vào Trung tâm kết nối với đường trục Đông Tây huyện Nam Sách bằng cách tại vị trí đầu nối với đường trục Đông Tây huyện Nam Sách, mở rộng nền mặt đường để bố trí làn tăng giảm tốc, bán kính cong theo TCVN 4054:2005/BGTVT; gờ gờ giảm tốc, sơn vạch kẻ đường, biển báo hiệu theo QCVN 41:2019/BGTVT và điện chiếu sáng. Thiết kế vị trí đầu nối đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

+ Lý do đề xuất:

\* Hiện tại mặt đường trục Đông Tây huyện Nam Sách cũng chưa được hoàn thiện theo quy hoạch được duyệt (hiện tại 7,5 m; quy hoạch là 12 m) và cũng chưa xác định được thời gian đến thời điểm nào hoàn thiện đường trục Đông Tây theo quy hoạch được duyệt.

\* Nếu thực hiện theo phương án xây dựng đường gom và đầu nối với đường trục Đông tây huyện Nam sách tại 2 vị trí theo Văn bản số 910/SGTVT-P2 ngày 27/4/2023 và chỉ giới đường đỏ cách tim đường trục Đông Tây huyện Nam sách 35m phát sinh kinh phí lớn (gồm làm đường gom rộng 7,5 m, vỉa hè đường gom rộng 5m, chiều dài đường gom khoảng 350m và chi phí giải phóng mặt bằng (bao gồm cả đất thổ cư)), khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng và vướng mắc về khả năng cân đối vốn cho dự án.

\* Phương án đầu nối đề xuất đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình sử dụng và khi xây dựng hoàn thiện trục Đông Tây (đoạn qua khu đất xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội) sẽ thực hiện đầu nối vào đường gom theo quy định (theo ý kiến của Sở Giao thông Vận tải) tại Văn bản số 910/SGTVT-P2 ngày 27/4/2023.

Hạng mục trạm biến áp đã được tính toán bổ sung vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

***Các giải pháp cụ thể các khu chức năng, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật... sẽ được nghiên cứu tại các bước tiếp theo của dự án sau khi có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.***

#### **4. Phạm vi đầu tư:**

Xây dựng mới Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương trên diện tích đất xây dựng dự kiến 6,88 ha, dự án xây dựng đảm bảo hoàn thành chức năng nhiệm vụ của một Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh bao gồm các nhiệm vụ:

4.1. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề cho các đối tượng:

- Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại khoản 1, 2, 3 điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Đối tượng quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Các đối tượng khác như: trẻ em khuyết tật, người khuyết tật,... theo chương trình, đề án hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

- Các đối tượng (*người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em khuyết tật, trẻ em giảm khả năng nhận thức, hoạt động, tự kỷ...*) có nhu cầu được trợ giúp xã hội và tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí (*gọi chung là đối tượng tự nguyện*);

#### 4.2. Cung cấp các dịch vụ khẩn cấp:

- Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp;

- Đánh giá các nhu cầu của đối tượng; sàng lọc và phân loại đối tượng. Trường hợp cần thiết thì chuyển gửi đối tượng tới các cơ sở y tế, giáo dục, cơ quan công an, tư pháp hoặc các cơ quan, tổ chức phù hợp khác;

- Bảo đảm sự an toàn và đáp ứng các nhu cầu khẩn cấp của đối tượng như: chăm sóc y tế, nơi cư trú tạm thời, thức ăn, quần áo và đi lại.

4.3. Tư vấn và trợ giúp đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức phù hợp khác để bảo vệ, trợ giúp đối tượng; tìm kiếm, sắp xếp các hình thức chăm sóc.

4.4. Xây dựng kế hoạch can thiệp và trợ giúp đối tượng; giám sát và rà soát lại các hoạt động can thiệp, trợ giúp và điều chỉnh kế hoạch.

4.5. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống và không có điều kiện sinh sống tại gia đình, cộng đồng.

4.6. Cung cấp dịch vụ điều trị y tế ban đầu.

4.7. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, trợ giúp các đối tượng trong các hoạt động tự quản, văn hóa, thể thao, các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của từng nhóm đối tượng lao động sản xuất theo quy định của pháp luật.

4.8. Chủ trì phối hợp với các đơn vị, tổ chức để dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp đối tượng phát triển về thể chất, trí tuệ, nhân cách và hòa nhập cộng đồng.

4.9. Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội và nâng cao năng lực:

- Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội để giúp đối tượng phát triển khả năng tự giải quyết các vấn đề, bao gồm cả giáo dục kỹ năng làm cha mẹ cho những đối tượng có nhu cầu; đào tạo kỹ năng sống cho trẻ em và người chưa thành niên;

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác xã

hội cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội hoặc làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

- Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng có nhu cầu.

4.10. Quản lý đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

4.11. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn và bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi.

4.12. Phát triển cộng đồng:

- Liên hệ với người dân, chính quyền các cấp trong việc xác định các vấn đề của cộng đồng để xây dựng chương trình, kế hoạch trợ giúp cộng đồng;

- Đề xuất chính sách với các cơ quan có thẩm quyền;

- Xây dựng mạng lưới nhân viên, tình nguyện viên công tác xã hội.

4.13. Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức.

4.14. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương đưa đối tượng đủ điều kiện hoặc tự nguyện xin ra khỏi Trung tâm trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống...

4.15. Bổ sung nhiệm vụ thực hiện đến năm 2030:

+ Cung cấp dịch vụ phát hiện trẻ giảm khả năng nhận thức, hoạt động, tự kỷ có nhu cầu can thiệp sớm, giáo dục và chăm sóc nhằm nâng cao năng lực, phòng ngừa tiến tới xóa rào cản cho trẻ để trẻ hòa nhập cộng đồng; kết hợp PHCN về thể chất và PHCN về trí tuệ cho trẻ phát triển hòa nhập.

+ Hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho gia đình, phụ huynh các vấn đề liên quan kỹ năng, phương pháp giáo dục và chăm sóc cho trẻ giảm khả năng nhận thức, hoạt động, tự kỷ tại cộng đồng.

+ Người khuyết tật, người cao tuổi có nhu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm.

### **5. Địa điểm xây dựng:**

Tại xã Nam Hồng và An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

## **III. DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN, NGUỒN LỰC KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **1. Căn cứ để lập sơ bộ tổng mức đầu tư:**

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây

dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Quyết định số 332/QĐ-BXD ngày 29/8/2022 của Sở Xây dựng Hải Dương về việc công bố Chỉ số giá xây dựng công trình tỉnh Hải Dương tại các thời điểm: Quý I, II, III, IV năm 2021 và cả năm 2021; quý I năm 2022;

Quyết định số 23/QĐ-BXD ngày 29/8/2022 của Sở Xây dựng Hải Dương về việc công bố Chỉ số giá xây dựng công trình tỉnh Hải Dương tại các thời điểm: Quý IV năm 2022 và cả năm 2022;

Quyết định số 610/QĐ-BXD ngày 13/7/2022 của Bộ Xây dựng về Công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình xây dựng năm 2021;

Cơ sở tính toán chi tiết các hạng mục theo bảng tính kèm theo.

## **2. Dự kiến sơ bộ tổng mức đầu tư: 379,322 tỷ đồng**

*(Ba trăm bảy mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu đồng)*

*Trong đó:*

1. Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	35,835	tỷ đồng
2. Chi phí xây dựng	220,237	tỷ đồng
3. Chi phí thiết bị	40,878	tỷ đồng
4. Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi khác	39,167	tỷ đồng
5. Chi phí dự phòng	43,205	tỷ đồng

*Ghi chú:*

- Đặc điểm của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương là một hỗn hợp các hạng công trình với rất nhiều chức năng khác nhau như: nhà làm việc của cán bộ viên chức, người lao động; dạy văn hóa; dạy nghề; điều trị bệnh; phục hồi chức năng; chăm sóc người già, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người khuyết tật...nhưng những hạng mục này không theo mô hình của một trường học, bệnh viện, trường dạy nghề, nhà ở ký túc xá, nhà ở xã hội...thông thường do vậy khi tính sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư vận dụng những hạng mục suất vốn đầu tư có công năng sử dụng sát nhất với chức năng sử dụng trong suất vốn đầu tư theo Quyết định số 610/QĐ-BXD ngày 13/7/2022 của Bộ Xây dựng và suất đầu tư các hạng mục tương tự đã được phê duyệt để tính toán.

## **3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:**

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.
- Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công: Phù hợp với kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025.
- Huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án: Không có.

**IV. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH BỐ TRÍ VỐN PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN HỢP LÝ,**

## **BẢO ĐẢM TẬP TRUNG, CÓ HIỆU QUẢ**

### **1. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:**

Thực hiện trong giai đoạn năm 2023-2025.

### **2. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:**

- Kế hoạch bố trí vốn:

+ Năm 2023: Bố trí vốn cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và một phần chi phí xây dựng.

+ Năm 2024-2025: Bố trí vốn cho giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc dự án.

- Khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả: Dự án không huy động các nguồn lực khác.

## **V. XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN SAU KHI HOÀN THÀNH**

### **1. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án:**

Đây là dự án xây dựng sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh, do vậy các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án đã được tính toán trong sơ bộ tổng mức đầu tư đảm bảo thực hiện xong dự án theo kế hoạch đề ra.

### **2. Xác định sơ bộ chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành**

Chi phí vận hành dự án khi hoàn thành: Đây là dự án xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội của tỉnh phục vụ cho công tác an sinh xã hội phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước ta mà không phải là dự án phục vụ kinh doanh hay sản xuất... có quy mô công trình là cấp III và với các nội dung phân tích, đánh giá về quy mô công trình được nêu trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư này thì chi phí vận hành cho dự án khi hoàn thành chủ yếu là các chi phí cho việc duy tu, bảo dưỡng bảo trì công trình, các chi phí liên quan đến trang thiết bị chuyên ngành, dạy học, chăm sóc, hoạt động thể chất... (được sử dụng 1 phần vật chất và trang thiết bị hiện có của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh và đầu tư bổ sung thêm ở dự án này). Các chi phí này sẽ được xác định trong kế hoạch chi tiêu hàng năm (chi thường xuyên) hoặc nguồn khác của Trung tâm theo quy định phục vụ cho hoạt động Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. Đối với nhân lực phục vụ vận hành và khai thác dự án sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh và thực hiện chi trả chi phí theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập.

Do vậy không cần xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình vận hành dự án sau khi hoàn thành.

## **VI. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI**

### **1. Phân tích, đánh giá sơ bộ về tác động môi trường, xã hội**

#### **1.1. Cơ sở đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

Luật Bảo vệ Môi trường 2020 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

## **1.2. Dự báo các nguồn gây ô nhiễm**

### **1.2.1. Trong quá trình xây dựng Dự án**

Quá trình xây dựng dự án các nguồn gây ô nhiễm bao gồm các công tác:

- Ô nhiễm do giải phóng mặt bằng: Bụi tiếng ồn.
- Ô nhiễm trong quá trình thi công: Bụi, tiếng ồn, nước thải thi công, ô nhiễm nguồn nước, chất thải rắn, thải các nguồn khí độc do máy thi công và phương tiện giao thông (NO<sub>2</sub>, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub>, CO<sub>x</sub> ...)

### **1.2.2. Trong quá trình hoạt động của Dự án.**

Sau khi xây dựng hoàn chỉnh Dự án các vấn đề ô nhiễm xuất phát từ các yếu tố cụ thể sau:

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước thải y tế
- Nước mưa, nước ngầm.
- Chất thải rắn sinh hoạt.
- Chất thải rắn y tế.
- Bụi và tiếng ồn.

## **1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến môi trường**

### **1.3.1. Môi trường không khí**

#### **a) Bụi**

Việc san ủi mặt bằng cần một số lượng lớn xe, máy thi công và chuyên chở vật liệu, do đó sẽ có bụi phát sinh từ:

- San ủi mặt bằng
- Từ các xe máy
- Vật liệu rơi vãi từ các xe vận chuyển
- Bụi ảnh hưởng tới công nhân và khu dân cư xung quanh

#### **b) Khí thải**

Các động cơ trong khi vận hành thải ra không khí CO, CO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub> ... Lượng khí thải phụ thuộc vào các loại xe máy sử dụng trên công trường.

#### **c) Tiếng ồn**

Tiếng ồn từ các xe máy hoạt động có ảnh hưởng đến hệ thần kinh của công nhân vận hành máy móc và dân cư xung quanh. Độ ồn phụ thuộc vào loại xe máy và tình trạng kỹ thuật của chúng.

### **1.3.2. Tác động đến môi trường nước**

#### **a) Nước mưa**

Nước mưa chảy từ khu vực thi công sẽ mang khối lượng lớn bùn, đất. Ngoài ra còn có lẫn dầu mỡ do rơi vãi từ các xe máy thi công.

#### ***b) Nước thải***

Khi xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, để nước thải sinh hoạt không gây ô nhiễm nguồn nước bởi các chất hữu cơ và vi khuẩn sẽ được xử lý trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Khi đưa dự án vào hoạt động trong quá trình hoạt động sẽ phát sinh lượng nước thải y tế do tính chất đặc thù của một Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh.

#### ***c) Bùn dòn đọng trong quá trình thi công***

Theo kinh nghiệm của các dự án xây dựng trong quá trình thi công sẽ có một khối lượng bùn dòn đọng lại. Cần phải có biện pháp thi công khoa học và các giải pháp xử lý thích hợp giảm bớt chi phí nạo vét bùn cũng như hạn chế đến mức tối thiểu việc chuyên chở gây rơi vãi mất vệ sinh môi trường.

#### **1.3.3. Rác thải rắn y tế**

Khi vận hành dự án sẽ làm phát sinh một lượng rác thải rắn y tế do tính chất đặc thù của một Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh. Rác thải rắn này sẽ được xử lý theo quy định.

### **1.4. Các giải pháp bảo vệ môi trường**

#### ***a) Bảo vệ môi trường không khí trong quá trình thi công***

Việc giảm lượng bụi, tiếng ồn và khí thải trong quá trình thi công có thể thực hiện bằng giải pháp:

- Sử dụng xe máy thi công có lượng khí thải, bụi và độ ồn thấp hơn giới hạn cho phép.

- Có biện pháp che chắn các xe chuyên chở vật liệu để hạn chế sự lan tỏa của bụi.

- Làm ẩm bề mặt lớp đất san ủi bằng cách phun nước giảm lượng bụi cuốn theo gió.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Nồng độ bụi: CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> của xe, máy móc thiết bị phục vụ thi công nhỏ hơn hoặc bằng:

Bụi: 200 mg/m<sup>3</sup>

CO: 1000 mg/m<sup>3</sup>

SO<sub>2</sub>: 500 mg/m<sup>3</sup>

NO<sub>x</sub>: 850 mg/m<sup>3</sup>

- Độ ồn cực đại của xe máy thi công: 80dBA

#### ***b) Bảo vệ môi trường nước***

Biện pháp xử lý nước thải sau: Thoát nước tách riêng làm hai hệ thống: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước thải y tế. Nước thải sinh hoạt và y tế phải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống công chung của khu vực.



Dự án sẽ xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất xử lý phù hợp với quy mô dự kiến 500m<sup>3</sup>/ngày/đêm.

### ***c) Xử lý chất thải rắn***

Chất thải rắn của công trình sẽ được thu gom và vận chuyển đến bãi chứa rác theo quy định và thông qua hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường và các tổ chức chức hợp pháp khác.

Chất thải rắn y tế sẽ được phân loại và tập trung tại khu vực chứa rác thải y tế của Bệnh viện sau đó thì vận chuyển đến nơi tập trung rác thải rắn y tế và xử lý theo quy định.

### ***d) Quan trắc, kiểm soát môi trường khi thực hiện dự án***

Trong quá trình thi công công trình, vận hành dự án, việc quan trắc, kiểm tra, đo đạc và đánh giá tác động môi trường phải được tiến hành theo đúng quy định. Từ các số liệu quan trắc đo đạc được về các yếu tố môi trường bị tác động, sẽ có các giải pháp hữu hiệu kịp thời để quản lý và xử lý.

## **1.5. Giải pháp giảm thiểu đến quá trình hoạt động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh do quá trình triển khai thi công dự án:**

Dự án xây dựng ở vị trí xây dựng mới do vậy trong quá trình triển khai thi công dự án không làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh.

### **1.6. Phân tích, đánh giá sơ bộ về yếu tố xã hội của dự án:**

- Dự án xây dựng trên khu đất đã được phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Hồng và xã An Sơn huyện Nam Sách, hiện tại khu đất dự kiến xây dựng là đất nông nghiệp do vậy tác động của dự án liên quan đến việc di dân, tái định cư, sinh hoạt của nhân dân khu vực xây dựng dự án không bị ảnh hưởng.

- Đây là dự án xây dựng phục vụ cho lợi ích an sinh của xã hội do:

+ Những hộ dân có diện tích đất bị thu hồi sẽ bị ảnh hưởng đến cuộc sống trong ngắn hạn, tuy nhiên vì mục đích phát triển an sinh chung của xã hội những hộ dân thuộc diện bị thu hồi đất sẽ khắc phục các khó khăn này.

+ Để bù đắp cho những hộ dân có đất bị thu hồi đất về những thiệt hại mà họ phải gánh chịu, Nhà nước ta đã có những quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dành cho người bị thu hồi đất. Trên thực tế, những chính sách này ngày càng hoàn thiện và bảo đảm tốt hơn cho người có đất bị thu hồi ổn định đời sống và sản xuất.

- Dự án xây dựng là dự án công trình phục vụ cho công tác an sinh xã hội theo chính sách của Đảng và Nhà nước ta do vậy không có ảnh hưởng tiêu cực liên quan đến xã hội.

- Trong quá trình triển khai thi công dự án sẽ ảnh hưởng ngắn hạn đến an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường. Để hạn chế các ảnh hưởng này và để thuận lợi, đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình thi công, đơn vị thi công thực hiện dự án cần tiến hành các nội dung sau:

+ Tiến hành quây hàng rào tạm và lập hệ thống chắn bụi làm giới hạn và

cách ly khu vực thi công với các khu vực lân cận.

+ Toàn bộ hàng rào ngăn cách nêu trên được gắn biển báo hiệu cảnh báo theo quy định để dễ nhận biết từ xa, hàng rào này được thiết kế đủ kiên cố để chịu được gió, các chấn động và các hành động cố tình đột nhập vào khu vực công trường với ý đồ xấu.

+ Trước khi tiến hành thi công nhà thầu phải làm việc, đăng kí tạm trú với công an xã, phường sở tại cho tất cả công nhân thi công trên công trường để quản lí, tránh tình trạng các đối tượng xấu trà trộn vào công trường gây mất trật tự công trường và khu vực xung quanh.

+ Công ra vào công trường có bố trí bảo vệ trực 24/24 giờ, đảm bảo chỉ những người có nhiệm vụ mới được vào công trường. Xung quanh công trường phải có điện chiếu sáng bảo vệ vào ban đêm.

### **1.7. Kết luận và kiến nghị**

- Việc thực hiện dự án trong giai đoạn thi công cũng có một số tác động tiêu cực, nhưng không đáng kể đối với môi trường không khí và nước. Các tác nhân gây ô nhiễm do hoạt động trong giai đoạn này sẽ giảm rất nhiều và kết thúc tại thời điểm thi công xong.

- Xét về tổng thể thì dự án có nhiều tác động tích cực đối với xã hội và cảnh quan của khu vực nói chung và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh nói riêng.

### **2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội**

Việc đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương từng bước thực hiện theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025 và theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội...

Việc thay thế các cơ sở vật chất của trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh đã bị xuống cấp sẽ góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác chăm sóc người yếu thế trên địa bàn tỉnh và điều kiện làm việc của viên chức, người lao động của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh.

Quy mô dự án sẽ sử dụng những loại vật tư, thiết bị công trình phù hợp với thị trường sẵn có và thiết kế dựa trên đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và đặc thù của một Trung tâm Bảo trợ xã hội cấp tỉnh nên không làm lãng phí vốn đầu tư nhà nước.

Qua việc phân tích nêu trên, việc đầu tư dự án Trung tâm Bảo trợ xã hội cấp tỉnh Hải Dương đảm bảo hiệu quả đầu tư về kinh tế và xã hội.

## **VII. PHÂN CHIA CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN (NẾU CÓ)**

Phân chia các dự án thành phần: Không phân chia.

## **VIII. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Chủ đầu tư và hình thức Quản lý dự án:**

**1.1. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương.

**1.2. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tự tổ chức quản lý dự án.

## **2. Các bước thiết kế và lựa chọn các tổ chức tham gia thực hiện dự án:**

### **2.1. Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước**

- Khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư.

- Khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

### **2.2. Lựa chọn tổ chức tham gia thực hiện dự án:**

- Theo quy định hiện hành của nhà nước.

## **D. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Dự án xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương được đầu tư xây dựng đảm bảo công tác an sinh xã hội theo đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước là hết sức cần thiết.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh Hải Dương, Hội đồng thẩm định và các cơ quan, ban ngành có liên quan thẩm định và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án với các nội dung đã đề cập ở trên./.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 2046/BCr-SLĐTBXH ngày 25/5/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: KHTC, VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Thanh Tùng**